

Bản án số: 12/2021/DS - ST

Ngày: 21-7-2021

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP. HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST- DS ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐST- DS ngày 12 tháng 7 năm giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L - sinh năm 1965 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, thị trấn Đ, huyện M, thành phố Hà Nội

2. Bị đơn: Anh Trương Đỗ L1 - sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn T1, xã T2, huyện U, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các buổi làm việc tại Tòa nguyên đơn trình bày: Do có quen biết và nhiều lần anh Trương Đỗ L1 – sinh năm 1986, HKTT: thôn Tảo Khê, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội vay bà tiền và thanh toán gốc lãi đầy đủ. Đồng thời được biết anh L1 là cán bộ tại Bệnh viện Đa khoa Vân Đình có nhiều mối quen biết nên bà đã nhờ anh L1 xin việc cho con trai bà là anh Lê Anh Quyền vào làm việc tại Ngân hàng Nông nghiệp huyện Ứng Hòa. Bà đã giao cho anh L1 60.000.000đ và hai bên đã viết giấy biên nhận ngày 16/8/2017 với nội dung tóm tắt là anh L1 nhận của bà 60.000.000đ để xin việc cho anh Quyền vào Ngân hàng Nông nghiệp huyện Ứng Hòa. Trong thời hạn 03 tháng mà không xin được việc thì anh L1 phải trả lại bà L 60.000.000đ.

Sau ba tháng, anh L1 không xin được việc nên bà có đòi tiền thì anh L1 không trả. Anh L1 trình bày do khó khăn nên không có tiền trả bà luôn số tiền mà

thỏa thuận sẽ trả lãi bà với lãi suất là 4,5%/tháng. Việc thỏa thuận lãi suất bằng miệng. Nhưng tiền lãi anh L1 cũng không thanh toán. Vì vậy, bà đã có đơn đến Bệnh viện đa khoa Vân Đình nơi anh L1 làm việc thì bà và anh L1 thỏa thuận, anh L1 sẽ trả vào 03 đợt là ngày 10/9/2018 trả 10.000.000đ, ngày 30/9/2018 sẽ trả 30.000.000đ đến tháng 10/2018 sẽ trả 5.000.000đ. Nếu anh L1 trả đúng hạn, đúng số tiền thì bà sẽ miễn cho anh L1 15.000.000đ; anh L1 vi phạm thì bà sẽ không cho anh L1 số tiền 15.000.000đ.

Sau buổi làm việc tại Bệnh viện, đến ngày 10/9/2018 anh L1 có thanh toán trả cho bà 10.000.000đ.

Việc giao và nhận tiền chỉ có bà và anh L1 biết; không liên quan đến bất kỳ ai.

Hai bên có thỏa thuận lãi suất là 4,5%/tháng xong đến nay bà đề nghị Tòa tính lãi suất trong hạn, quá hạn là 2,5%/tháng kể từ ngày 16/8/2017 cho đến nay trên dư nợ gốc.

Cũng từ đó, anh L1 không thanh toán cho bà bất kể tiền gốc, tiền lãi nào.

Nay số tiền anh L1 nợ bà đã quá lâu nên bà đề nghị Tòa giải quyết buộc anh L1 phải có trách nhiệm thanh toán tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 17/6/2021 cụ thể là: Tiền gốc là: 50.000.000đ và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 59.356.000đ. Tổng là 109.356.000đ và tiếp tục chịu lãi trong hạn, lãi quá hạn kể từ ngày 18/6/2021 cho đến khi thanh toán xong tất cả số tiền còn nợ với mức lãi suất trong hạn, quá hạn là 2,5%/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Trương Đỗ L1 trình bày: Do cần tiền để chi tiêu việc cá nhân nên đã vài lần anh vay tiền bà Hoàng Thị L và thanh toán được đầy đủ, đúng hạn. Ngày 16/8/2017, anh cũng cần tiền để chi tiêu cá nhân nên có hỏi vay bà L số tiền 30.000.000đ. Giữa hai bên có thỏa thuận bằng miệng là vay trong thời hạn 3 tháng lãi suất là 3.000đ/ngày/triệu. Nếu trả đúng hạn thì chỉ cần trả số tiền gốc là 30.000.000đ và 3 tháng tiền lãi; trường hợp không trả đúng hạn thì tiền gốc sẽ gấp đôi là thành 60.000.000đ và lãi vẫn là 3.000đ/ngày/triệu. Thực chất là vay tiền chứ không phải xin việc cho con bà L như Giấy biên nhận ngày 16/8/2017 ghi. Sau đó, anh đã nhận số tiền 30.000.000đ. Vì khó khăn nên anh đã không thanh toán không lãi đúng hạn cho bà L. Bà L có đơn đến Bệnh viện đa khoa Vân Đình nơi anh làm việc. Vì vậy, anh đã trả cho bà L 10.000.000đ tiền gốc còn nợ lại 20.000.000đ. Ngày trả anh không nhớ.

Việc vay tiền của bà L chỉ có anh và bà L biết, giao dịch với nhau; mục đích vay tiền là chi tiêu cá nhân nên không liên quan đến vợ và bố mẹ, gia đình anh.

Nay bà L khởi kiện, quan điểm của anh: Anh thừa nhận có vay tiền và có ký vào Giấy biên nhận. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không bị bắt ép, lừa dối. Xong thực chất anh chỉ được nhận 30.000.000đ chứ không phải 60.000.000đ; anh đã trả được 10.000.000đ tiền gốc còn nợ lãi 20.000.000đ tiền

gốc và tiền lãi. Xong hiện tại anh mất việc, hoàn cảnh khó khăn nên anh đề nghị bà L miễn toàn bộ tiền lãi; tiền nợ gốc anh xin trả dần.

Tại biên bản lấy lời khai của chị Lê Thị Thanh Tâm trình bày: Chị là vợ của anh Trương Đỗ L1. Chị không hề hay biết việc anh L1 vay tiền của bà Hoàng Thị L cụ thể như thế nào. Anh L1 vay tiền chi tiêu cá nhân không liên quan gì đến chị.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn trình bày: bản chất Giấy biên nhận là Giấy vay tiền; không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào khác vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị anh L1 có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 50.000.000đ, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn từ ngày 16/8/2017 với lãi suất là 2,5%/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L đối với số tiền nợ gốc là 50.000.000đ.

+ Đối với số tiền lãi: Buộc anh Trương Đỗ L1 phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho bà Hoàng Thị L trên số tiền gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong số tiền theo quy định pháp luật.

+ Bị đơn phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Bà Hoàng Thị L có đơn khởi kiện đề nghị anh Trương Đỗ L1 phải thanh toán tiền gốc theo “Giấy biên nhận” ngày 16/8/2017 các bên đã ký kết và tiền lãi thỏa thuận bằng miệng. Do vậy, đây là Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, bị đơn là anh Trương Đỗ L1 có đăng ký nơi cư trú: Thôn Tảo Khê, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và các tài liệu được công bố tại phiên tòa; các đương sự đều xác nhận các tài liệu giao

nộp đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu chứng cứ nào khác cần bổ sung. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa ngày 12/7/2021 đến phiên tòa hôm nay vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 16/8/2017, anh Trương Đỗ L1 cần tiền nên có hỏi vay bà Hoàng Thị L số tiền 60.000.000đ. Xong hai bên đã lập Giấy biên nhận với nội dung anh L1 nhận số tiền 60.000.000đ để xin việc cho anh Lê Anh Quyền – con bà L; sau ba tháng mà anh L1 không xin được việc thì phải trả lại bà L số tiền 60.000.000. Hai bên có thỏa thuận bằng miệng với nhau lãi suất là 4,5%/tháng. Đến ngày 10/9/2018 anh L1 trả cho bà 10.000.000đ tiền gốc; số tiền gốc và lãi còn lại anh L1 không thanh toán. Vì vậy, bà L có đơn khởi kiện anh L1 đến Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc theo Giấy biên nhận ngày 16/8/2017.

Xem xét “Giấy biên nhận” ngày 16/8/2017 do nguyên đơn xuất trình: bà L cho rằng muốn nhờ anh L1 xin việc cho con nên đã đưa cho anh L1 60.000.000đ; anh L1 thì trình bày bản chất là do anh cần tiền nên vay tiền bà L chứ không phải là xin việc. Tại phiên tòa, bà L thừa nhận thực tế là anh L1 vay tiền xong ghi nội dung như trong “Giấy biên nhận” để trường hợp anh L1 không trả thì có căn cứ tố cáo anh L1 tại Công An. Như vậy, đây là Hợp đồng vay tài sản- vay tiền.

Anh L1 trình bày: mặc dù ký giấy biên nhận như vậy nhưng anh chỉ nhận 30.000.000đ chứ không phải là 60.000.000đ. Bà L và anh L1 đều xác nhận đã thanh toán được 10.000.000đ tiền nợ gốc. Anh L1 chỉ nhớ sau khi làm việc tại Bệnh viện đa khoa Vân Đình thì anh có trả bà L 10.000.000đ còn ngày tháng cụ thể anh không nhớ, bà L trình bày thanh toán là ngày 10/9/2018. Anh L1 thừa nhận chữ ký trong Giấy biên nhận ngày 16/8/2017 là đúng chữ ký của anh, anh ký là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, lừa dối; anh không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh chỉ vay bà L số tiền 30.000.000đ.

Do vậy, có đủ căn cứ xác nhận ngày 16/8/2017, anh L1 ký kết “Giấy biên nhận” nhận của bà L số tiền 60.000.000đ, đến ngày 10/9/2018 thì anh L1 trả bà L 10.000.000đ hiện còn nợ 50.000.000đ. Vì vậy, bà L khởi kiện buộc anh L1 phải thanh toán số tiền nói trên là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L: Buộc anh Trương Đỗ L1 phải thanh toán số

tiền gốc là: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho bà Hoàng Thị L là phù hợp Điều 274, Điều 280 Bộ luật dân sự 2015.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn 2,5%/tháng kể từ ngày 16/8/2017 cho đến khi thanh toán xong hết số tiền

Tại Giấy biên nhận ngày 16/8/2017, không có nội dung về lãi suất. Tại phiên tòa, bà L trình bày thực chất là vay tiền, thời hạn vay là 03 tháng trùng với lời khai của anh L1 là có ký giấy biên nhận nhưng là vay tiền, thời hạn vay là 03 tháng. Như vậy đây là Hợp đồng vay tiền có thời hạn. Bà L trình bày lãi theo thỏa thuận bằng miệng là 4,5%/tháng còn anh L1 trình bày là lãi suất là 3.000đ/triệu/ngày. Giấy biên nhận có thể hiện thời hạn vay là 3 tháng kể từ ngày 16/8/2017 đến ngày 17/11/2017. Xong đến hạn, anh L1 không thực hiện thanh toán cho bà L. Vì vậy, cần phải tính lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo quy định của khoản 2 Điều 470, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Xét lãi suất trong hạn: mặc dù việc thỏa thuận về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện của các đương sự. Xong, nguyên đơn trình bày lãi suất là 4,5%/tháng; bị đơn trình bày lãi suất 3.000đ/triệu/ngày. Lãi suất hai trình bày đều đã vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm của khoản tiền vay. Do đó, lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định theo quy định của pháp luật không có hiệu L1. Như vậy, lãi suất được chấp nhận là 20%/năm tương ứng với 1,67 %/tháng. Buộc anh L1 phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi trong hạn cho bà L số tiền là: $60.000.000đ \times 1,67\% \times 3 \text{ tháng} = 3.006.000đ$.

Xét lãi suất quá hạn: Nguyên đơn, bị đơn đều thỏa thuận về thời hạn vay là 16/8/2017 đến ngày 17/11/2017. Vì vậy, đến hạn anh L1 không trả tiền cho bà L thì phải trả lãi suất quá hạn là lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự. Như vậy, kể từ ngày 17/11/2017, khoản vay của anh L1 đã bị chuyển thành quá hạn; ngày 10/9/2018 anh L1 đã trả bà L 10.000.000đ tiền gốc. Tính đến ngày xét xử - ngày 21/7/2021 số tiền lãi quá hạn là: $60.000.000đ \times (150\% \times 1,67\%) \times 9 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 14.700.000đ$; $50.000.000đ \times (150\% \times 1,67\%) \times 34 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 43.000.000đ$; tổng tiền lãi quá hạn là: 57.700.000đ.

Như vậy, buộc anh Trương Đỗ L1 có trách nhiệm thanh toán số tiền tính đến ngày 21/7/2021 là 110.706.000đ (trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi là 60.706.000đ) và tiếp tục chịu lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 22/7/2021 cho đến khi thanh toán xong tiền.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 146; Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Trương

Đỗ L1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự là 5.535.300đ (Năm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm đồng); bà Hoàng Thị L không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.160.000đ (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của BLTTDS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 274, khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 463, điểm b khoản 5 466, khoản 1 Điều 468; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L đối với anh Trương Đỗ L1.

2. Buộc anh Trương Đỗ L1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị L, số tiền tính đến ngày xét xử - ngày 21/7/2021 là: 110.706.000đ (*Một trăm mười triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng*): trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi là 60.706.000đ.

Kể từ ngày 22/7/2021, anh Trương Đỗ L1 tiếp tục phải chịu lãi trên nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong theo quy định tại khoản 1 Điều 468; điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc anh Trương Đỗ L1 phải nộp: 5.535.300đ (Năm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L số tiền: 2.160.000đ (Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) - tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0002038 ngày 05/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Bích Hằng